

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026																											
LỚP			63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1						
Thứ	Buổi	Tiết																									
Thứ 2 29/09	Sáng	1																									
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Điều khiển điện - khí nén Cao Thị Thu ()	Điều khiển điện - khí nén Nguyễn Văn Tĩnh ()	Điều khiển điện - khí nén Hoàng Văn Hùng ()					Toán 3 Hà Thị Duyên (H5.103)							CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiền (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiền (H5.101)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)							
		7											Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)														
		8											CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)														
		9											CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)														
		10											HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.404)														
Thứ 3 30/09	Sáng	1																			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.202)						
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Điều khiển điện - khí nén Cao Thị Thu ()	Điều khiển điện - khí nén Nguyễn Văn Tĩnh ()	Điều khiển điện - khí nén Hoàng Văn Hùng ()					Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.103)							Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.101)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)							
		7														Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)											
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 4 01/10	Sáng	1																									
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Điều khiển điện - khí nén Cao Thị Thu ()	Điều khiển điện - khí nén Nguyễn Văn Tĩnh ()	Điều khiển điện - khí nén Hoàng Văn Hùng ()					Ngữ Văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.103)							Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Ngữ Văn 3 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	Ngữ Văn 3 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.301)							
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026																								
Tuần 09: Từ 29/09 Đến 05/10/2025																								
LỚP			63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3			
THỨ	BUỔI	TIẾT																						
Thứ 2 29/09	Sáng	1	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)				HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)					HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Luu Yến Ngọc (H5.303)	HĐTNHN Luu Yến Ngọc (H5.303)			HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.306)			
		2	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)					Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)	CCĐ Lịch sử 12_1 Luu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Lịch sử 12_1 Luu Yến Ngọc (H5.303)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)			
		3														Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)			
		4	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)						Vật lí 12_1 Chu Thị Tĩnh (H5.203)		Vật lí 12_1 Chu Thị Tĩnh (H5.203)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)		
		5																		Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)			
	Chiều	6																		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TẦNG 3)		CCĐ Lịch sử 12_1 Luu Thị Thuý (H5.402)		
		7											Ktra: Quản trị mạng với Windows server-1-1- 2025(N01) Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Ngữ Văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)			Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Lê Xuân Chung (H2.301_TH LR Máy tính)	Ktra: Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi -1-1- 2025(N05) Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRON - LÂM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)		Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)	
		8																		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)				
		9																						
		10																		HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)				
Thứ 3 30/09	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)					Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.303)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.303)			Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.306)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.306)			
		2						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhưng (H5.201)																
		3	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.306)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.306)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)			
		4						Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)																
		5	CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)						Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)		Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)		
	Chiều	6																		Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2-1-1- 2025(N04) (...)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRON - LÂM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)		Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.402)
		7																						
		8																				Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		
		9																				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)		
		10																				Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)		
Thứ 4 01/10	Sáng	1	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)					Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)		Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)			
		2																						
		3	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.201)				Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)	CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2-1-1- 2025(N06) (...)			
		4																	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)				
		5	Lịch sử 12_1 Luu Yến Ngọc (H5.302)	Lịch sử 12_1 Luu Yến Ngọc (H5.302)				Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.306)				
	Chiều	6																				Lịch sử 12_1 Luu Thị Thuý (H5.402)		
		7																						
		8														Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Lê Xuân Chung (H2.301_TH LR Máy tính)				Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2-1-1- 2025(N05) (...)		Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		
		9																						
		10																				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026																									
Tuần 09: Từ 29/09 Đến 05/10/2025																									
LỚP			63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CDC1	64CDH1	64CDL1	64CDT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A				
THỨ	BUỔI	TIẾT																							
Thứ 2 29/09	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Đặng Duy Thanh (X22.309)	LD		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 2)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Gia công tiện vạt năng Vũ Minh Cường (X10.03_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Thiết kế mạch bảng máy tính Hoàng Quyết Tiến (X22.204)					
		2		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)																			
		3			CCĐ Hóa học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	CCĐ Hóa học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)																			
		4																							
		5			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.202)	Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.202)																		
	Chiều	6	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.402)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	AutoCAD Vũ Minh Cường (Phòng CAD/CAM/CNC)	Tách: Cung cấp điện-1-1- 2025(N01) Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện) Cung cấp điện-1-1-2025(N_T01) Đặng Việt Hùng (...)	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÁNH TẦNG 3)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)						
		7	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)																						
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)									CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)											CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)
		9										Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)													
		10	HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)									HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.301)												HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	
Thứ 3 30/09	Sáng	1		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.202)			Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Đặng Duy Thanh (X22.309)		Tiếng Nhật (H3.103)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 2)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Gia công tiện vạt năng Vũ Minh Cường (X10.03_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Gia công tiện vạt năng Chu Mạnh Hùng (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Thiết kế mạch bảng máy tính Hoàng Quyết Tiến (X22.204)						
		2		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)																					
		3		Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)																	
		4		Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)																					
		5		Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)				Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)																	
	Chiều	6	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.402)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.301)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.301)		AutoCAD Vũ Minh Cường (Phòng CAD/CAM/CNC)	Tách: Cung cấp điện-1-1- 2025(N01) Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện) Cung cấp điện-1-1-2025(N_T01) Đặng Việt Hùng (...)	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)				Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Thiết kế mạch bảng máy tính Phạm Đức Tùng (X22.109)					
		7																							
		8	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)								Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)									
		9	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)											Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)									
		10	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)		Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)								Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)									
Thứ 4 01/10	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)				Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Đặng Duy Thanh (X22.309)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 2)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Gia công tiện vạt năng Vũ Minh Cường (X10.03_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Gia công tiện vạt năng Chu Mạnh Hùng (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Thiết kế mạch bảng máy tính Hoàng Quyết Tiến (X22.204)						
		2		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.201)																					
		3			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)																			
		4																							
		5		Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.202)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.202)																			
	Chiều	6	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.402)				Địa lí 12_1 Duơng Thị Hồng (H5.301)	AutoCAD Vũ Minh Cường (Phòng CAD/CAM/CNC)	Tách: Cung cấp điện-1-1- 2025(N01) Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện) Cung cấp điện-1-1-2025(N_T01) Đặng Việt Hùng (...)	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÁNH TẦNG 3)				Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Thiết kế mạch bảng máy tính Phạm Đức Tùng (X22.109)					
		7																							
		8	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)				CCĐ Hóa học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)							Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.204)									
		9												Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)		CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)									
		10	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)							Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)									

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026																									
Tuần 09: Từ 29/09 Đến 05/10/2025																									
LỚP			64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1				
THỨ	BUỔI	TIẾT																							
Thứ 2 29/09	Sáng	1	Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Máy điện Phan Thị Lý (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)			Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (X22.307)				Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)						Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP- KT)	Thuế Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)					
		2																							
		3																							
		4																							
		5																							
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)	Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Phạm Quang Thắng (...)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)		CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)						
		7	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)																						
		8	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)			CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)		CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)									
		9	HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)			HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)		HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)		HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.304)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)		HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)		HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)					
		10																							
Thứ 3 30/09	Sáng	1		Máy điện Phan Thị Lý (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)			Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (X22.307)				Máy điện Lưu Quang Hưng (X22.303.LTCM)		Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)				Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP- KT)	Thuế Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)					
		2																							
		3																							
		4																							
		5																							
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Phạm Quang Thắng (...)		Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.203)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)						
		7																							
		8	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)			Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)			CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)			CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)			Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.303)				
		9	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhưng (H5.401)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Hà Thị Duyên (H5.302)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)		Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)			Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.303)				
		10	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)		CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)			Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)			CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)		Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.406)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)		CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)		
Thứ 4 01/10	Sáng	1		Máy điện Phan Thị Lý (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)			Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (X22.307)				Tin học văn phòng Quách Thu Thảo (H3.203_TH Máy tính)		Máy điện Lưu Quang Hưng (X22.303.LTCM)		Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)			Nhận xuất hàng Trần Việt Anh (H3.105_Khoa SP- KT)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.109_CNTT)				
		2																							
		3																							
		4																							
		5																							
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.401)	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Phạm Quang Thắng (...)		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.203)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)		Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)						
		7	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)																						
		8	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.401)			Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.304)	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)			CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)			
		9	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)																						
		10	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhưng (H5.401)					Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)												Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.302)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)

LỚP			64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 02/10	Sáng	1	Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Máy điện Phan Thị Lý (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)			Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (X22.307)		Tin học văn phòng Quách Thu Thảo (H3.203_TH Máy tính)	Máy điện Luu Quang Hưng (X22.303.LTCM)		Soan thảo văn bản Trần Văn Hội ()					Nhận xuất hàng Trần Việt Anh (H3.105_Khoa SP- KT)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.109_CNTT)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Phạm Quang Thắng (...)		Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)	Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303) Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303) CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303) Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303) Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tổ Quyên (H5.204)	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303) Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303) Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tổ Quyên (H5.303)	
		7	Lịch sử 11_1 Luu Thị Thuỷ (H5.201)																		
		8	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)			Lịch sử 11_1 Luu Thị Thuỷ (H5.302)				Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tĩnh (H5.406)						
		9		Lịch sử 11_1 Luu Thị Thuỷ (H5.401)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.307)			Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)											
		10	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)						CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)											
Thứ 6 03/10	Sáng	1					Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)				Tin học văn phòng Quách Thu Thảo (H3.203_TH Máy tính)	Máy điện Luu Quang Hưng (X22.303.LTCM)	Ktra: Máy điện-1-1-2025(N04) Triệu Đình Sơn (X22.202)		Soan thảo văn bản Trần Văn Hội ()			Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.109_CNTT)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6							PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.203)									Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)		
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 04/10	Sáng	1																Thuế Lương Thị Hương ()			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																Thuế Lương Thị Hương ()			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 05/10	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

LỚP			64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65CCK1	65CCT1	65CDC1	65CDH1	65CDL1	65CDP1						
THỨ	BUỔI	TIẾT																								
Thứ 2 29/09	Sáng	1	Ktra: Lắp ráp và cài đặt máy tính 1-1-2025(N04) Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)			Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)		Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2025(N06) (...)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SƠ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẮNG 3)		Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Nguyễn Thị Hương (H3.208)		Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.204_PHLT Khoa CK)			An toàn điện Lỗ Văn Ba (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Kỹ thuật điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)								
		2																								
		3																								
		4																								
		5																								
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)	Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tĩnh (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tĩnh (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)		An toàn lao động Phạm Duy Quyết (X22.103)			An toàn lao động Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)								
		7	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)																		
		8		CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tĩnh (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tĩnh (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)													
		9	HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.304)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐTNHN Chu Thị Tĩnh (H5.403)	HĐTNHN Chu Thị Tĩnh (H5.403)														
		10																								
Thứ 3 30/09	Sáng	1	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)			Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẮNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SƠ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẮNG 3)			Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Nguyễn Thị Hương (H3.107_CNTT)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Vũ Lệ Thu (H3.208)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H2.301_TH LR Máy tính)			An toàn điện Lỗ Văn Ba (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Kỹ thuật điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)								
		2																								
		3																								
		4																								
		5																								
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)		Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.203)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)	An toàn lao động Phạm Duy Quyết (X22.103)			An toàn lao động Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)							
		7		Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.406)																						
		8	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.403)												
		9	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.403)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.403)													
		10	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.406)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)																
Thứ 4 01/10	Sáng	1	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)		Photoshop Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẮNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SƠ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẮNG 3)			Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Nguyễn Thị Hương (H3.107_CNTT)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Vũ Lệ Thu (H3.208)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H2.301_TH LR Máy tính)	Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.204_PHLT Khoa CK)		An toàn điện Lỗ Văn Ba (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Kỹ thuật điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)								
		2																								
		3																								
		4																								
		5																								
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)	Photoshop Phùng Thị Minh Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.401)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tĩnh (H5.403)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tĩnh (H5.403)	An toàn lao động Phạm Duy Quyết (X22.103)			An toàn lao động Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)							
		7	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)			CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tĩnh (H5.406)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Văn (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)												
		8	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.401)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.403)												
		9	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)			Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tĩnh (H5.406)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)												
		10	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)			Vật lý 11_1 Chu Thị Tĩnh (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tĩnh (H5.203)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Văn (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)												

LỚP			65CĐT1	65CKT1	65CLG1	65CS1	65CTT1	65CTW1	65LCCT1	65LCĐC1	65LCĐC2	65LCĐL1	65LCĐL2	65LCĐT1	65LCĐT2	65LCGK1	65LCGK2	65LCGK3	65LCKT1	65LCKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 02/10	Sáng	1	An toàn lao động Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)									Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)		Toán ứng dụng Phạm Đức Tùng (X22.102)						
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6		Kinh tế vi mô Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)	Kinh tế vi mô Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)		Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)												
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 03/10	Sáng	1		Kinh tế vi mô Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)	Kinh tế vi mô Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)							Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)		Toán ứng dụng Phạm Đức Tùng (X22.102)						
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 04/10	Sáng	1											Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)		Lý thuyết mạch Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)					
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6											Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (X22.304)		Lý thuyết mạch Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)					
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 05/10	Sáng	1											Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (X22.304)		Toán ứng dụng Nguyễn Minh Khang (X22.108)					
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6											Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (X22.304)		Toán ứng dụng Nguyễn Minh Khang (X22.108)					
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

